**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN**

**ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG,**

**TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**I. Sự cần thiết ban hành Thông tư:**

- Luật các TCTD ban hành ngày 18/01/2024 đã có sửa đổi, bổ sung một số quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh NHNNg so với Luật các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể:

+ Khoản 3 Điều 57 quy định: *“3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.”*

+ Khoản 1 Điều 59 quy định: *“1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.”*

- Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 25/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 39) được xây dựng, ban hành theo quy định tại Luật Các TCTD 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), theo đó một số nội dung quy định tại Thông tư 39 không còn phù hợp với Luật các TCTD 2024. Do vậy, việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư 39 là cần thiết nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định mới của Luật Các TCTD 2024.

**II. Quan điểm xây dựng và bố cục của dự thảo Thông tư**

**1. Quan điểm xây dựng Dự thảo Thông tư**

- Tuân thủ quy định của Luật các TCTD 2024 và các quy định pháp luật liên quan.

- Kế thừa một số quy định còn phù hợp của Thông tư 39, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

**2. Bố cục dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư bao gồm 3 chương, 22 Điều, cụ thể:

- Chương I quy định chung bao gồm Điều 1 đến điều 5 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, phạm vi kiểm toán và khuyến khích kiểm toán.

- Chương II từ Điều 6 đến Điều 19 quy định về thời gian lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, thẩm quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, nội dung kiểm toán độc lập và dịch vụ bảo đảm, ý kiến kiểm toán độc lập, kết quả kiểm toán độc lập, điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán NHTM, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh NHNNg, điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán tổ chức tài chính vi mô, tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên hành nghề và người đại diện của tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán viên hành nghề tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng, trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN, giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập.

- Chương III gồm các Điều 20, 21 và 22 về điều khoản thi hành.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tư 39 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 24/2021/TT-NHNN)** | **DTTT thay thế Thông tư 39** | **Thuyết minh** |
| **1** | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Thông tư này quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Việc kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 147 và Điều 151a Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và việc kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để phục vụ yêu cầu thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và phải tuân thủ các Điều 11, 12, 13, 14 Thông tư này. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Thông tư này quy định về kiểm toán độc *lập báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô*, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. *Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật có liên quan và phải tuân thủ các Điều 11, 12, 13 Thông tư này đối với các trường hợp sau đây:  *a) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *b) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *c) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Các tổ chức tín dụng;*  *d) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập* để thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng. | DTTT sửa đổi, bổ sung Điều 1 DTTTđể phù hợp với quy định tại Luật các TCTD 2024, cụ thể như sau:  - Khoản 1 Điều 1:  Nội dung khoản 1 Điều 1 được chỉnh sửa theo hướng quy định cụ thể nội dung kiểm toán độc lập hằng năm đối với TCTD theo Luật Các TCTD 2024, tên các TCTD thuộc phạm vi điều chỉnh của DTTT (gồm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài); đồng thời không quy định việc kiểm toán độc lập đối với TCTD là hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (nội dung này được hướng dẫn tại Thông tư khác của NHNN).  - Khoản 2 Điều 1:  Nội dung khoản 2 Điều 1 được xây dựng trên cơ sở rà soát các quy định có liên quan đến kiểm toán độc lập tại Luật Các TCTD 2024 (gồm quy định tại khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 59, khoản 4 Điều 156, khoản 1 Điều 167…) và kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 39 liên quan đến việc kiểm toán độc lập để phục vụ yêu cầu thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (quy định tại Điều 5 Nghị định 26/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 43/2019/NĐ-CP) |
| **2** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tín dụng bao gồm:  a) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã (sau đây gọi là ngân hàng);  b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  c) Tổ chức tài chính vi mô;  d) Quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 50 tỷ đồng trở lên tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm liền kề trước năm kiểm toán.  Các quỹ tín dụng nhân dân khác thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước.  2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương trong thời gian chưa chuyển đổi theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định đối với ngân hàng. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với:  1. *Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).*  2. Tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | - Khoản 1 Điều 2 DTTT được chỉnh sửa theo hướng quy định cụ thể tên các TCTD thuộc phạm vi điều chỉnh của DTTT (gồm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài); đồng thời không quy định việc kiểm toán độc lập đối với TCTD là hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (nội dung này được hướng dẫn tại Thông tư khác của NHNN).  - Khoản 2 Điều 2 DTTT: kế thừa quy định tại Thông tư 39.  - Bỏ khoản 4 Điều 2 Thông tư 39 để phù hợp với đối tượng áp dụng tại khoản 1 Điều 2 DTTT. |
| **3** | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* là việc kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các công việc kiểm toán khác theo hợp đồng kiểm toán.  2. *Kiểm toán báo cáo tài chính* là việc kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.  3. *Kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ* là việc kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra, đưa ra ý kiến đánh giá về việc tuân thủ hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động của hệ thống này.  4. *Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng* bao gồm báo cáo tài chính của pháp nhân tổ chức tín dụng, báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức tín dụng đối với tổ chức tín dụng là đối tượng phải hợp nhất theo quy định của pháp luật.  5*. Hệ thống kiểm soát nội bộ* là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.  6*. Tổ chức kiểm toán độc lập* bao gồm doanh nghiệp kiểm toán và chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* là việc kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, *thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hợp đồng kiểm toán.  2*. Tổ chức kiểm toán độc lập* bao gồm doanh nghiệp kiểm toán và chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. | - Khoản 1, 2 Điều 3 DTTT: quy định trên cơ sở kế thừa quy định tại tại khoản 1 và khoản 6 Điều 3 Thông tư 39, trong đó khoản 1 Điều 3 DTTT có chỉnh sửa để phù hợp với quy định về kiểm toán độc lập tại Luật Các TCTD 2024 cũng như phạm vi điều chỉnh của DTTT.  - Bỏ khoản 2 Điều 3 Thông tư 39 do khái niệm về *“Kiểm toán báo cáo tài chính”* đã được quy định tại khoản 9 Điều 5 Luật Kiểm toán độc lập.  - Bỏ khoản 3 Điều 3 Thông tư 39 để phù hợp với quy định về kiểm toán độc lập tại Luật Các TCTD 2024, theo đó TCTD, chi nhánh NHNNg không phải thực hiện kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ hằng năm mà chỉ thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu của NHNN khi xét thấy cần thiết (khoản 1 Điều 59 và khoản 3 Điều 57 Luật các TCTD 2024).  - Bỏ khoản 4 Điều 3 Thông tư 39 do khái niệm về *“Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng”* đã được quy định tại khoản 7 Điều 2 Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán của TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung).  - Bỏ khoản 5 Điều 3 Thông tư 39 do khái niệm về *“Hệ thống kiểm soát nội bộ”* đã được quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Các TCTD 2024. |
| **4** | **Điều 4. Phạm vi kiểm toán**  1. Định kỳ hằng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Thông tư này để kiểm toán độc lập:  a) Báo cáo tài chính;  b) Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.  3. Việc kiểm toán báo cáo tài chính bán niên, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các công việc kiểm toán khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. | **Điều 4. Phạm vi kiểm toán**  1. Định kỳ hằng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Thông tư này để thực hiện:  a) Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính;  *b) Dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*  2. Việc kiểm toán báo cáo tài chính bán niên, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các công việc kiểm toán khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. | - Khoản 1 Điều 4 DTTT: được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Thông tư 39 và có chỉnh sửa để phù hợp với quy định về kiểm toán độc lập tại khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024.  - Khoản 2 Điều 4 DTTT kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 39. |
| **5** | **Điều 5. Khuyến khích kiểm toán**  Ngân hàng Nhà nước khuyến khích tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập để kiểm toán đối với các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 5. Khuyến khích kiểm toán**  *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước)* khuyến khích tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập để kiểm toán đối với các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Điều 5 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 5 Thông tư 39 |
| **6** | **Điều 6. Thời gian lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập**  1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Thông tư này để kiểm toán báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ năm tài chính tiếp theo. | **Điều 6. Thời gian lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập**  Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Thông tư này để kiểm toán báo cáo tài chính, *thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* năm tài chính tiếp theo. | Điều 6 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 6 Thông tư 39 và có chỉnh sửa để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024 cũng như phạm vi điều chỉnh của DTTT. |
| **7** | **Điều 7. Thẩm quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập**  1. Hội đồng thành viên quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn.  2. Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định (đối với trường hợp Điều lệ của tổ chức tín dụng có quy định) lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán tổ chức tín dụng là công ty cổ phần.  3. Đại hội thành viên quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định (đối với trường hợp Điều lệ của tổ chức tín dụng có quy định) lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán tổ chức tín dụng là hợp tác xã.  4. Tổng giám đốc (Giám đốc) quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 7. Thẩm quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập**  1. Hội đồng thành viên quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn.  2. Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán tổ chức tín dụng là công ty cổ phần.  3. Tổng giám đốc (Giám đốc) quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | - Khoản 1, 3 Điều 7 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 Thông tư 39.  - Khoản 2 Điều 7 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 39 và có chỉnh sửa theo hướng bỏ cụm từ *“ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định (đối với trường hợp Điều lệ của tổ chức tín dụng có quy định)”* để phù hợp với thẩm quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán TCTD là công ty cổ phần tại điểm t khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024 về nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông *“t) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 của Luật này”*.  - DTTT bỏ quy định tại khoản 3 điều 7 Thông tư 39 (áp dụng đối với quỹ TDND) cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 DTTT. |
| **8** | **Điều 8. Nội dung kiểm toán độc lập**  1. Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm kiểm toán:  a) Bảng cân đối kế toán;  b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;  c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;  d) Thuyết minh báo cáo tài chính.  2. Kiểm toán độc lập hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối thiểu các nội dung sau đây:  a) Kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trong đó bao gồm các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ) tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  Đối với những nội dung của hệ thống kiểm soát nội bộ đã được kiểm toán tuân thủ mà không có sự thay đổi thì không phải kiểm toán lại nội dung đó;  b) Kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính;  c) Ngoài nội dung kiểm toán quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ.  3. Kiểm toán hoạt động đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này nhằm bảo đảm các yêu cầu sau đây:  a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;  b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời. | **Điều 8. Nội dung kiểm toán độc lập**  1. Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm kiểm toán:  *a) Báo cáo tình hình tài chính;*  b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;  c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;  d) Thuyết minh báo cáo tài chính.  *2. Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.* | - Khoản 1 Điều 8 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 39 và có chỉnh sửa để phù hợp với quy định về các nội dung của báo cáo tài chính tại khoản 1 Điều 29 Luật Kế toán 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), theo đó đã sửa đổi cụm từ *“Bảng cân đối kế toán”* thành *“Báo cáo tình hình tài chính”.*  - Khoản 2 Điều 8 DTTT được chỉnh sửa để phù hợp với quy định về kiểm toán độc lập tại khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024 theo hướng:  + Bỏ các nội dung quy định về kiểm toán độc lập *“hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ”* của TCTD, chi nhành NHNNg tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Thông tư 39 do khoản 3 Điều 57Luật Các TCTD 2024 quy định việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD, chi nhánh NHNNg thực hiện theo yêu cầu của NHNN khi xét thấy cần thiết.  + Bổ sung quy định *“thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của TCTD, chi nhành NHNNg”* để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024. |
| **9** | **Điều 9. Ý kiến kiểm toán độc lập**  1. Căn cứ vào kết quả kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán độc lập phải đưa ra ý kiến theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Kiểm toán độc lập.  2. Trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện kiểm toán lại.  3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập khác đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư này để kiểm toán lại đối với các nội dung liên quan đến ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán.  4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi kết quả kiểm toán lại cho Ngân hàng Nhà nước để báo cáo. | **Điều 9. Ý kiến kiểm toán độc lập**  Căn cứ vào kết quả kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán độc lập phải đưa ra ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Kiểm toán độc lập. | Điều 9 DTTT kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 39, đồng thời bỏ các quy định liên quan đến kiểm toán lại báo cáo kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ tại các khoản 2, 3, 4 Điều 9 Thông tư 39 để phù hợp với về kiểm toán độc lập tại Luật Các TCTD 2024 (không có quy định kiểm toán lại đối với báo cáo kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ). |
| **10** | **Điều 10. Kết quả kiểm toán độc lập**  1. Kết quả kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Báo cáo kiểm toán;  b) Thư quản lý và các tài liệu, bằng chứng liên quan.  2. Báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  Báo cáo kiểm toán đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối thiểu phải đánh giá được tình hình tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá được tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống này trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và các mục tiêu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư này.  3. Thư quản lý phải phản ánh những vấn đề, sự kiện cụ thể trong quá trình kiểm toán, bao gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro, kiến nghị của kiểm toán viên và ý kiến của người quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài liên quan đến sự kiện đó. Thư quản lý tối thiểu phải có các nội dung sau:  a) Phương pháp tiếp cận chung, phạm vi của cuộc kiểm toán và các yêu cầu cần bổ sung;  b) Đánh giá những thay đổi về chính sách và thông lệ quan trọng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Rủi ro có thể ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Đề xuất điều chỉnh của tổ chức kiểm toán độc lập và kiểm toán viên hành nghề đối với vụ việc, sự kiện đã ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Ý kiến không thống nhất với người quản lý, điều hành tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về các vấn đề có thể ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc đến ý kiến của kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán độc lập. Kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán độc lập phải nêu rõ tình trạng giải quyết những ý kiến không thống nhất đó và mức độ ảnh hưởng của vấn đề;  e) Các vấn đề khác được thỏa thuận trong hợp đồng kiểm toán. | **Điều 10. Kết quả kiểm toán độc lập**  1. Kết quả kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Báo cáo kiểm toán;  b) Thư quản lý và các tài liệu, bằng chứng liên quan.  2. Báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tài chính, *báo cáo thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  3. Thư quản lý phải phản ánh những vấn đề, sự kiện cụ thể trong quá trình kiểm toán, bao gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro, kiến nghị của kiểm toán viên và ý kiến của người quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài liên quan đến sự kiện đó. Thư quản lý tối thiểu phải có các nội dung sau:  a) Phương pháp tiếp cận chung, phạm vi của cuộc kiểm toán và các yêu cầu cần bổ sung;  b) Đánh giá những thay đổi về chính sách và thông lệ quan trọng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính*, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Rủi ro có thể ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính, *hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Đề xuất điều chỉnh của tổ chức kiểm toán độc lập và kiểm toán viên hành nghề đối với vụ việc, sự kiện đã ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, *hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Ý kiến không thống nhất với người quản lý, điều hành tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về các vấn đề có thể ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính, *hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc đến ý kiến của kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán độc lập. Kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán độc lập phải nêu rõ tình trạng giải quyết những ý kiến không thống nhất đó và mức độ ảnh hưởng của vấn đề;  e) Các vấn đề khác được thỏa thuận trong hợp đồng kiểm toán. | - Khoản 1 Điều 10 DTTT kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 39  - Khoản 2 Điều 10 DTTT kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 39 và có chỉnh sửa để phù hợp với quy định về kiểm toán độc lập tại khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024, cụ thể:  + Chỉnh sửa các nội dung liên quan đến *“báo cáo kiểm toán đối với hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ”* thành các nội dung liên quan đến *“báo cáo thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.*  *+* Bỏ quy định liên quan đến báo cáo kiểm toán đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.  - Khoản 3 Điều 10 DTTT kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 39 và có chỉnh sửa để phù hợp với quy định về kiểm toán độc lập tại khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024, theo đó sửa đổi cụm từ *“hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ”* thành cụm từ *“hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính”* tại các điểm b, c, d và đ khoản 3 Điều 10 DTTT. |
| **11** | **Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Đã thành lập và có thời gian hoạt động kiểm toán tại Việt Nam tối thiểu 03 năm;  2. Có vốn chủ sở hữu, vốn được cấp từ 10 tỷ đồng trở lên;  3. Có số lượng kiểm toán viên hành nghề từ 10 người trở lên;  4. Có ít nhất 05 kiểm toán viên hành nghề tham gia kiểm toán một ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó, phải có ít nhất 03 kiểm toán viên hành nghề có từ 02 năm kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trở lên.  5. Các kiểm toán viên hành nghề và người đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư này;  6. Không có quan hệ mua trái phiếu, mua tài sản, góp vốn, liên doanh, mua cổ phần với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;  7. Không là khách hàng đang được cấp tín dụng và được cung cấp các dịch vụ khác với điều kiện ưu đãi của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;  8. Không kiểm toán độc lập chính ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trong thời gian 05 năm liên tiếp liền kề trước năm kiểm toán;  9. ***(Được bãi bỏ)***  10. Không bị xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập trong 02 năm liền kề trước năm kiểm toán;  11. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.  Trường hợp ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán thì tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.  12. Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 30 Luật Kiểm toán độc lập;  13. Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. | **Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Đã thành lập và có thời gian hoạt động kiểm toán tại Việt Nam tối thiểu 03 năm;  2. Có vốn chủ sở hữu, vốn được cấp từ 10 tỷ đồng trở lên;  3. Có số lượng kiểm toán viên hành nghề từ 10 người trở lên;  4. Có ít nhất 05 kiểm toán viên hành nghề tham gia kiểm toán một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó, phải có ít nhất 03 kiểm toán viên hành nghề có từ 02 năm kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trở lên.  5. Các kiểm toán viên hành nghề và người đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư này;  6. Không có quan hệ mua trái phiếu, mua tài sản, góp vốn, liên doanh, mua cổ phần với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;  7. Không là khách hàng đang được cấp tín dụng và được cung cấp các dịch vụ khác với điều kiện ưu đãi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;  8. Không kiểm toán độc lập chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trong thời gian 05 năm liên tiếp liền kề trước năm kiểm toán;  9. Không bị xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập trong 02 năm liền kề trước năm kiểm toán;  10. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.  Trường hợp tổ chức tín dụng là đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán thì tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán cho tổ chức tín dụng phải thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.  11. Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 30 Luật Kiểm toán độc lập;  12. Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. | Điều 11 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định tại Điều 11 Thông tư 39. |
| **12** | **Điều 12. Điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân**  1. Các kiểm toán viên hành nghề và người đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại Điều 13 Thông tư này;  2. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.”  2a. Không kiểm toán độc lập chính tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân đó trong thời gian 05 năm liên tiếp liền kề trước năm kiểm toán.  3. Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 30 Luật Kiểm toán độc lập;  4. Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. | **Điều 12. Điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán tổ chức tài chính vi mô**  1. Các kiểm toán viên hành nghề và người đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại Điều 13 Thông tư này;  2. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán tổ chức tài chính vi mô thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.  3. Không kiểm toán độc lập chính tổ chức tài chính vi mô đó trong thời gian 05 năm liên tiếp liền kề trước năm kiểm toán.  4. Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 30 Luật Kiểm toán độc lập;  5. Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. | Điều 12 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định Điều 12 Thông tư 39 và có chỉnh sửa theo hướng bỏ đối tượng là quỹ tín dụng nhân dân cho phù hợp với đối tượng áp dụng tại Điều 2 DTTT. |
| **13** | **Điều 13. Tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên hành nghề và người đại diện của tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;  2. Kiểm toán viên hành nghề là người Việt Nam phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm kiểm toán sau ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm toán viên hành nghề;  3. Kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm kiểm toán tại Việt Nam;  4. Không là khách hàng đang được cấp tín dụng, được cung cấp các dịch vụ khác với điều kiện ưu đãi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;  5. Không bị xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập trong 02 năm liền kề trước năm kiểm toán;  6. Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 19 Luật Kiểm toán độc lập;  7. Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. | **Điều 13. Tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên hành nghề và người đại diện của tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;  2. Kiểm toán viên hành nghề là người Việt Nam phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm kiểm toán sau ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm toán viên hành nghề;  3. Kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm kiểm toán tại Việt Nam;  4. Không là khách hàng đang được cấp tín dụng, được cung cấp các dịch vụ khác với điều kiện ưu đãi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;  5. Không bị xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập trong 02 năm liền kề trước năm kiểm toán;  6. Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 19 Luật Kiểm toán độc lập;  7. Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. | Điều 13 DTTT kế thừa quy định tại Điều 13 Thông tư 39 |
| **14** | **Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán viên hành nghề tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 18, Điều 29 Luật Kiểm toán độc lập và các quy định khác của pháp luật hiện hành về kiểm toán độc lập.  2. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập.  3. Hiểu biết, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính, hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  5. Trong quá trình kiểm toán, nếu phát hiện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán không tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến phạm vi kiểm toán thì phải thông báo và kiến nghị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán có biện pháp ngăn ngừa, sửa chữa và xử lý sai phạm; ghi ý kiến vào báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý theo yêu cầu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Thông tư này.  6. Sau khi phát hành báo cáo kiểm toán, nếu có nghi ngờ hoặc có phát hiện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán có những sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến phạm vi kiểm toán thì tổ chức kiểm toán độc lập phải thực hiện các thủ tục thông báo cho đơn vị được kiểm toán và người thứ ba theo quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán viên hành nghề tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 18, Điều 29 Luật Kiểm toán độc lập và các quy định khác của pháp luật hiện hành về kiểm toán độc lập.  2. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập.  3. Hiểu biết, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính, hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  5. Trong quá trình kiểm toán, nếu phát hiện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán không tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến phạm vi kiểm toán thì phải thông báo và kiến nghị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán có biện pháp ngăn ngừa, sửa chữa và xử lý sai phạm; ghi ý kiến vào báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý theo yêu cầu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Thông tư này.  6. Sau khi phát hành báo cáo kiểm toán, nếu có nghi ngờ hoặc có phát hiện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán có những sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến phạm vi kiểm toán thì tổ chức kiểm toán độc lập phải thực hiện các thủ tục thông báo cho đơn vị được kiểm toán và người thứ ba theo quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước. | Điều 14 DTTT kế thừa quy định tại Điều 14 Thông tư 39 |
| **15** | **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo đúng quy định của Thông tư này.  2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định sau đây:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;  b) Quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố) gửi cho Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 39 Luật Kiểm toán độc lập và các quy định khác của pháp luật hiện hành về kiểm toán độc lập.  4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, gửi kết quả kiểm toán độc lập cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.  5. Thực hiện kiểm toán lại đối với trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ; gửi kết quả kiểm toán lại cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.  6. Kịp thời báo cáo, giải trình và đề xuất ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật đối với các trường hợp sau đây:  a) Không đảm bảo đúng thời hạn gửi kết quả kiểm toán độc lập;  b) Phát sinh những bất đồng, tranh chấp về kết quả kiểm toán độc lập.  7. Thực hiện việc công bố công khai thông tin tài chính theo đúng quy định hiện hành. | **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo đúng quy định của Thông tư này.  2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định sau đây:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;  b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố) gửi cho Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 39 Luật Kiểm toán độc lập và các quy định khác của pháp luật hiện hành về kiểm toán độc lập.  4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, gửi kết quả kiểm toán độc lập cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.  5. Kịp thời báo cáo, giải trình và đề xuất ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật đối với các trường hợp sau đây:  a) Không đảm bảo đúng thời hạn gửi kết quả kiểm toán độc lập;  b) Phát sinh những bất đồng, tranh chấp về kết quả kiểm toán độc lập.  6. Thực hiện việc công bố công khai thông tin tài chính theo đúng quy định hiện hành. | - Khoản 1 Điều 15 DTTT kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư 39.  - Khoản 2 Điều 15 DTTT kế thừa khoản 2 Điều 15 Thông tư 39. Bỏ quy định đối với đối tượng là quỹ TDND để phù hợp với đối tượng áp dụng tại Điều 2 DTTT.  - Các khoản 3, 4, 5, 6 Điều 15 DTTT kế thừa quy đinh tại khoản 3, 4, 6, 7 Điều 15 Thông tư 39.  - Bỏ khoản 5 Điều 15 Thông tư 39 để phù hợp với Luật Các TCTD 2024 (không quy định về việc kiểm toán lại đối với các báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ). |
| **16** | **Điều 16. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính**  2. Phân tích, đánh giá và xử lý kết quả kiểm toán độc lập, kết quả kiểm toán độc lập lại nhận được theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư này.  Trường hợp phát hiện kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thực hiện kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo, đề xuất xử lý kịp thời với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).  3. Báo cáo và đề xuất kịp thời với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xử lý các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 15 Thông tư này.  4. Thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định tại Thông tư này và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về kiểm toán độc lập. | **Điều 16. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng, *chi nhánh ngân hàng nước ngoài* đặt trụ sở chính**  1. Phân tích, đánh giá và xử lý kết quả kiểm toán độc lập nhận được theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.  Trường hợp phát hiện kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thực hiện kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo, đề xuất xử lý kịp thời với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).  2. Báo cáo và đề xuất kịp thời với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xử lý các trường hợp quy định tại *khoản 5* Điều 15 Thông tư này.  3. Thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định tại Thông tư này và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về kiểm toán độc lập. | Điều 16 DTTT kế thừa quy định tại Điều 16 Thông tư 39 và có chỉnh sửa một số trích dẫn cho phù hợp với các quy định có liên quan tại DTTT. |
| **17** | **Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng**  1. Tổng hợp, đánh giá, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này.  2. Phân tích, đánh giá và kiến nghị việc xử lý kết quả kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các nội dung sau đây:  a) Xem xét, giải quyết đối với các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 15 Thông tư này;  b) Có văn bản gửi Bộ Tài chính khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này về kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thực hiện kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định tại Thông tư này và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về kiểm toán độc lập.  6. Có ý kiến về nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong báo cáo kiểm toán và thư quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi có yêu cầu của cơ quan pháp luật. | **Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng**  1. Tổng hợp, đánh giá, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.  2. Phân tích, đánh giá và kiến nghị việc xử lý kết quả kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các nội dung sau đây:  a) Xem xét, giải quyết đối với các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Thông tư này;  b) Có văn bản gửi Bộ Tài chính khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này về kiểm toán viên hành nghề và tổ chức kiểm toán vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thực hiện kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định tại Thông tư này và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về kiểm toán độc lập. | - Các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 17 DTTT kế thừa quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 17 Thông tư 39.  - Chuyển khoản 6 Điều 17 Thông tư 39 xuống quy định tại Điều 18 DTTT về trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN. |
|  |  | ***Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước***  *Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị có ý kiến về nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong báo cáo kiểm toán và thư quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi có yêu cầu của cơ quan pháp luật.* | Điều 18 DTTT được xây dựng trên cơ sở chuyển quy định tại khoản 6 Điều 17 Thông tư 39 về trách nhiệm của CQTTGSNH trong việc “*có ý kiến về nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong báo cáo kiểm toán và thư quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi có yêu cầu của cơ quan pháp luật”* sang quy định về trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN do việc có ý kiến về nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong báo cáo kiểm toán và thư quản lý của TCTD, chi nhánh NHNNg khi có yêu cầu của cơ quan pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực quản lý cũng như chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị thuộc NHNN. |
| **18** | **Điều 18. Giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập**  Việc giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản pháp luật có liên quan. | **Điều 19. Giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập**  Việc giải quyết tranh chấp về kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản pháp luật có liên quan. | Điều 19 DTTT kế thừa quy định tại Điều 18 Thông tư 39. |
| **19** | **Điều 19. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.  2. Quyết định số 121/2005/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế về kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.  3. Đối với những hợp đồng kiểm toán được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực pháp luật được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết. | **Điều 20. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.  2. Các quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. | - Khoản 1 Điều 20 DTTT: kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư 39.  - Khoản 2 Điều 20 DTTT: quy định các nội dung hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.  - Chuyển khoản 3 Điều 19 Thông tư 39 xuống quy định chuyển tiếp tại Điều 21 DTTT. |
|  |  | **Điều 21. Quy định chuyển tiếp**  Đối với những hợp đồng kiểm toán được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết *hoặc các bên liên quan ký kết lại hợp đồng kiểm toán để thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định tại Thông tư này*.  . | Quy định tại Điều 21 DTTT được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư 39 và có bổ sung quy định *“các bên liên quan ký kết lại hợp đồng kiểm toán để thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định tại Thông tư”.* |
| **20** | **Điều 20. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra giám sát ngân hàng; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức kiểm toán độc lập; kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. | **Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra giám sát ngân hàng; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức kiểm toán độc lập; kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | Điều 22 DTTT kế thừa quy định tại Điều 20 thông tư 39 và có chỉnh sửa cho phù hợp với quy định hiện hành. |